

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST

Ngày 15-7-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Ông Vũ Văn Khang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST-KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C T Việt Nam (Viết tắt là Ngân hàng C T); địa chỉ trụ sở: Số 108 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị L; nơi cư trú: Số 104/193 đường Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 973/UB-HĐQT-NHCT18 ngày 14/8/2020); có mặt .

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H; cùng cư trú: Số 45 tổ 43 cụm 7, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm K T và bà Đỗ Thị T Ng; cùng ĐKHKTT: Tổ 3 khu Thành Tô, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng C T - Chi nhánh Hải Phòng có ký hợp đồng tín dụng số 246/KD/HĐTD ngày 29/05/2012 với bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H dưới hình thức cấp tín dụng cho bà Nh, ông Hùng với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng; mục đích vay: Kinh doanh thiết bị vệ sinh, thời hạn vay 08 tháng; lãi suất vay: Thả nổi theo quy định của Vietinbank từng thời kỳ.

Ngân hàng C T đã giải ngân đủ số tiền trên cho bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 29/01/2013. Do bà Nh và ông Hùng không trả được nợ gốc và lãi phát sinh đến hạn ngày 29/01/2013 nên toàn bộ nợ vay của khách hàng chuyển nợ quá hạn. Từ khi phát sinh nợ quá hạn đến nay, Ngân hàng C T thường xuyên, liên tục đôn đốc, đã nhiều lần có yêu cầu nhưng bà Nh, ông Hùng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C T. Vì vậy, Ngân hàng C T khởi kiện đối với bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H, đề nghị Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giải quyết các nội dung sau đây: Tính đến ngày 15/7/2021, bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H còn nợ Ngân hàng C T số tiền là 3.549.511.978 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 2.049.511.978 đồng (trong đó: Lãi vay trong hạn: 1.371.404.166 đồng; Lãi quá hạn là 678.107.812 đồng).

- Về yêu cầu phát mại tài sản: Trường hợp bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H không trả được nợ, nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại và xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký với Ngân hàng gồm :

Toàn bộ quyền sử dụng 121 m² đất ở tại xã Đằng Lâm, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 751768, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 00219NTQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/10/1998 cho chủ sử dụng là ông Phạm K T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3445; Quyền số: 02/2011.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/08/2011 tại

Văn phòng Công chứng Hải Phòng. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hải An ngày 16/8/2011 theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H cư trú tại địa chỉ số 45 tổ 43 cụm 7, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Tòa án không tổng đạt được các Thông báo, Quyết định nên đã niêm yết tại nơi cư trú, trụ sở Ủy ban nhân dân phường và trụ sở của Tòa án. Vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án không có quan điểm của bị đơn.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm K T và bà Đỗ Thị T Ng Tòa án không tổng đạt được các Thông báo, Quyết định nên đã niêm yết các văn bản tại nơi cư trú, trụ sở Ủy ban nhân dân phường và trụ sở của Tòa án. Vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án không có quan điểm của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

* Đối với tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3445; Quyền số: 02/2011.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/08/2011 tại Văn phòng Công chứng Hải Phòng là: Toàn bộ quyền sử dụng 121 m² đất ở tại xã Đằng Lâm, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 751768, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 00219NTQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/10/1998 cho chủ sử dụng là ông Phạm K T. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đối với: Toàn bộ quyền sử dụng 121 m² đất ở tại xã Đằng Lâm, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 751768, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 00219NTQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng thì vị trí thửa đất không thuộc tờ bản đồ số 05, số thửa 04 ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 751768 mà thuộc tờ bản đồ 06, thửa đất số 177B. Theo tài liệu Tòa án xác minh do Chi nhánh văn phòng đất đai huyện An Dương cung cấp thì ông Phạm K T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Trần Đình Dũng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng do Ủy ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0000219/QSDĐ/NT ngày 25/8/1997 cho ông Trần Đình Dũng sử dụng 121 m² tại xã Đằng Lâm, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng vị trí đất tại số tờ bản đồ 06, số thửa 177B. Như vậy vị trí thửa đất ông Phạm K T đã thế chấp thuộc số tờ bản đồ 06, số thửa 177B.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa lần thứ nhất.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên là hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đủ số tiền nợ gốc là 1.500.000 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 317, 319, 322, 429, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 15/7/2021 tổng số tiền là 3.549.511.978 đồng; trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.371.404.166 đồng, nợ lãi quá hạn 678.107.812 đồng.

Bà Đỗ Thị Thanh Nh, ông Hoàng M H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất được hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Đỗ Thị Thanh Nh, ông Hoàng M H không thanh toán được khoản nợ gốc, nợ lãi trên từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm (của người thứ ba) theo hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi, bổ sung giữa các bên.

Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng C T và bà Đỗ Thị Thanh Nh, ông Hoàng M H được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có trụ sở cuối cùng trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa phương bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H cư trú tại địa chỉ số 45 tổ 43 cụm 7, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nhưng không có quan điểm. Do đó, Tòa án đã niêm yết toàn bộ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi có trụ sở cuối cùng của bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H, trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đông Khê và trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

[3] Tại phiên tòa ngày 28/6/2021, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt lần thứ nhất không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa nói trên theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Xét về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 246/KD/HĐTD ngày 29/05/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản 15/08/2011, văn bản cam kết được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực; hợp đồng này đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 09-2011/HĐTDNT ngày 15/8/2011, Hợp đồng tín dụng số 246/KD/HĐTD ngày 29/05/2012, được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng C T và bên vay là bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H tuân thủ quy định tại Điều 121, 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 với các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Theo đó, Ngân hàng C T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H vay đủ số tiền 1.5000.000 đồng. bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ

của mình theo điều khoản trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết, vi phạm các kỳ hạn thanh toán trả nợ.

[6] Thời điểm vi phạm gần nhất của bị đơn là ngày 29/01/2013, như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng C T khởi kiện buộc bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay, ngày 15/7/2021, bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng C T tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số 246/KD/HĐTD ngày 29/05/2012 tạm tính đến ngày 15/7/2021 tổng số tiền nợ là 3.549.511.978 đồng; trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.371.404.166 đồng, nợ lãi quá hạn 678.107.812 đồng.

- Về yêu cầu phát mại tài sản:

[7] Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, Ngân hàng C T và bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm K T và bà Đỗ Thị T Ng còn ký kết: Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3445; Quyền số: 02/2011.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/08/2011 tại Văn phòng Công chứng Hải Phòng là: Toàn bộ quyền sử dụng 121 m² đất ở tại xã Đằng Lâm, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 751768, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 00219NTQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/10/1998 cho chủ sử dụng là ông Phạm K T. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

[8] Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có quan điểm về việc phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H không trả được các khoản nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng C T. Tuy nhiên, Ông Phạm K T và bà Đỗ Thị T Ng đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H theo Hợp đồng tín dụng số 246/KD/HĐTD ngày 29/05/2012 tại Ngân hàng C T. Việc ký kết các hợp đồng là tự nguyện, các Hợp đồng thế chấp nói trên đều được chứng nhận tại Phòng Công chứng phù hợp với quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung. Vì vậy, trường hợp bị đơn không trả được các khoản nợ nói trên từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm K T và bà Đỗ Thị T Ng còn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người thế chấp đối với Ngân hàng C T theo thỏa thuận của hợp đồng thế chấp và phụ lục nêu trên theo quy định tại các điều 317, 319, 322, 429, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

[9] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C T được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng C T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.500.000 đồng.

[10] Bị đơn bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 72.000.000 đồng + 2% x (3.549.511.978 đồng - 2.000.000.000 đồng) = 102.990.240 đồng.

[11] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 751768, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 00219NTQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng thì vị trí thửa đất không thuộc tờ bản đồ số 05, số thửa 04 ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 751768 mà thuộc tờ bản đồ 06, thửa đất số 177B. Theo tài liệu Tòa án xác minh do Chi nhánh văn phòng đất đai huyện An Dương cung cấp thì ông Phạm K T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Trần Đình Dũng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng do Ủy ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0000219/QSDĐ/NT ngày 25/8/1997 cho ông Trần Đình Dũng sử dụng 121 m² tại xã Đằng Lâm, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng vị trí đất tại số tờ bản đồ 06, số tờ 177B. Như vậy vị trí thửa đất ông Phạm K T đã thế chấp thuộc số tờ bản đồ 06, số tờ 177B. Vì vậy, các đương sự có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền đăng ký đất đai tiến hành đính chính số tờ bản đồ, số tờ (trang 2) trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 751768, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: 00219NTQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Hải (nay quận Hải An), thành phố Hải Phòng.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các Điều 317, 319, 322, 429, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C T Việt Nam đối với bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H.

1. Bị đơn bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C T Việt Nam số tiền nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng số 246/KD/HĐTD ngày 29/05/2012 tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/7/2021 là: 3.549.511.978 (ba tỷ, năm trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm mười một nghìn, chín trăm bảy mươi tám) đồng; trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.371.404.166 đồng, nợ lãi quá hạn 678.107.812 đồng.

Về thứ tự thanh toán: Ưu tiên thanh toán nợ gốc, tiếp theo đến nợ lãi trong hạn và sau cùng đến nợ lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về quyền phát mại tài sản:

Trong trường hợp bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H không trả được số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên, bà Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng 121 m² đất ở tại xã Đằng Lâm, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng (nay là phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 751768 số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 00219NTQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Hải, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/10/1998 cho chủ sử dụng là ông Phạm K T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3445; Quyền số: 02/2011.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/08/2011 tại Văn phòng Công chứng Hải Phòng.

3. Về án phí:

Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H phải chịu 102.990.240 (một trăm linh hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn, hai trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng C T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 6736 ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải phòng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C T Việt Nam được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn Đỗ Thị Thanh Nh và ông Hoàng M H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm K T và bà Đỗ Thị T Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Phương